TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2019
"*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Anh và ông Lưu Ngọc Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: anh Lưu Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:

Tôi và anh Lưu Thanh T đến và chung sống với nhau từ năm 2011 khi đến chúng tôi sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc chúng tôi và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông theo số 11/2011 ngày 28/12/2011. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì chúng tôi hạnh phúc nhưng sau đó hai vợ chồng chung sống với nhau bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc; hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, anh T hay nhậu nhẹt say xỉn về đập phá nhà cửa, đồ dùng trong nhà, thậm chí còn tẩm xăng đốt đồ đạc trong nhà, đe dọa đến tính mạng của hai mẹ con và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến

nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Lưu Thanh T;

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi có 01 con chung là cháu Lưu Thị Ngạn X, sinh ngày 05/4/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì con chung tôi xin là người trực tiếp nuôi dưỡng; chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung và tài sản chung: không có nợ nần ai và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu ThanhT trình bày: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì Tòa án triệu tập bị đơn; Tòa án cũng đã đi xác minh địa chỉ của bị đơn theo nội dung đơn thì bị đơn anh Lưu Thanh T có đăng ký thường trú tại Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Tòa án đã làm việc với mẹ và chị gái Lưu Thanh T thì được mẹ và chị gái Lưu Thanh T trình bày hiện T vẫn ở cùng nhà nhưng không chịu lên Tòa án làm việc nên Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho mẹ và chị gái Lưu Thanh T và sau đó Tòa án nhận được 02 đơn của Lưu Thanh T gửi cho Tòa án thể hiện T đã nhận được các thủ tục tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với lý do vì công việc nên không thể có mặt tại Tòa án. Do đó, Tòa án lập văn bản giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lưu Thanh T và xin được nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lưu Thanh T; Xin là người trực tiếp nuôi dưỡng nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn và giao con chung cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến tuổi trưởng thành là có căn cứ. Nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn và Áp dụng nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết nhưng phía bị đơn không hợp tác, không lên Tòa án giải quyết nên Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự; thông báo kết quả về phiên hòa giải theo quy định; bị đơn vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng (bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án); Bị đơn anh Lưu Thanh T; địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của chị Mai Thị L trình bày: chị L và anh T đến chung sống với nhau từ năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ theo số 11/2011 ngày 28/12/2011 và giấy khai sinh con chung. Do mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay Lưu Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lưu Thanh T.

* Nhận định của hội đồng xét xử như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T đến chung sống với nhau từ năm 2011 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T theo số 11/2011 ngày 28/12/2011 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị L và anh Lưu Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Chị Mai Thị L nộp đơn xin ly hôn với anh Tuấn cho rằng giữa chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, đánh đập nhau, anh T còn đốt đồ đạc trong nhà gây ảnh hưởng đến tính mạng của mẹ con chị,vợ chồng không tìm ra được tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Điều này cho thấy: "Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được" nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lài và anh T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chị L và anh T chung sống với nhau có con chung: Cháu Lưu Thị Ngạn X, sinh ngày 05/4/2013. Sau khi ly hôn chị L xin là trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Vì hiện nay cháu đang ở với chị L; anh T không hợp tác không lên Tòa án làm việc và chị L là giáo viên mần non có thu nhập ổn định; trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh T nên HĐXX cần giao con chung giữa chị L và anh T cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Còn về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nhưng chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không nợ nần gì ai và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83,84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L với anh Lưu Thanh T.

Chị Mai Thị L được ly hôn với anh Lưu Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2011 ngày 28/12/2011 do Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Ngạn X, sinh ngày 05/4/2013 cho chị Mai Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung và tài sản chung: không nợ nần ai và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Mai Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp theo biên lai số 0000652 ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Chị cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- VKSND huyện;
- THA huyện T Đ
- UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.